

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 /7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH TH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Hà Vĩnh;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022; Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/ QĐST - HNGĐ giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Khu phố NB, thị trấn K, huyện TT, tỉnh TH. Có mặt.

Bị đơn : Anh Bùi Văn M; Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn EB, xã TL, huyện TT, tỉnh TH. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2022, bản tự khai ngày 22/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Bùi Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK (Nay là thị trấn K) huyện TT, tỉnh TH vào ngày 07/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị Q được ly hôn anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Vũ Minh Q (Giới tính: Nam), sinh ngày: 08/10/2014. Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Vũ Minh Q, chị Q không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

- Về tài sản: Vợ chồng không có Tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TT đã đến nhà anh Bùi Văn M để giao thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh M biết việc chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M, tuy nhiên anh M nhận giấy nhưng không ký vào biên bản, đồng thời trong cả quá trình giải quyết vụ án anh M cũng không đến Tòa án để giải quyết.

Như vậy: Anh M đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án; Do đó Tòa án không có bản khai, không lấy được lời khai của anh M và cũng không tiến hành hòa giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày 24/6/2022 anh M vắng mặt (không có lý do). Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh M tiếp tục vắng mặt (không có lý do).

Tại phiên tòa chị Vũ Thị Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của mình

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Điều 48, 96, 97 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các quy định của bộ luật TTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

-Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Q đối với anh Bùi Văn M.

-Về con chung: Giao cháu Bùi Vũ Minh Q (Giới tính: Nam), sinh ngày: 08/10/2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

- Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn M. Anh M cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Bùi Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK (Nay là thị trấn K) huyện TT, tỉnh TH vào ngày 07/10/2013. Như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hoà thuận hạnh phúc được hai năm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị TAND huyện TT giải quyết cho chị Hòa được ly hôn anh M.

Hội đồng xét xử thấy: Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh M nhưng anh M không đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp ly hôn giữa anh và chị Q; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 02 năm nhưng hai người không ai quan tâm đến ai; Nay khi chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh M, Anh M không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh M là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3] - Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Vũ Minh Q sinh ngày: 08/10/2014; Khi ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Vũ Minh Q, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q.

Hội đồng xét xử thấy: Chị Q và anh M có 01 con chung là cháu Bùi Vũ Minh Q (Giới tính: Nam), sinh ngày: 08/10/2014. Từ năm 2019 chị Q và anh M sống ly thân, Cháu Q ở với chị Q, được chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị Q muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Q, giao cháu Q cho chị Q chăm

sóc nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của chị Q, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn M.

2. Về con chung: Công nhận chị Vũ Thị Q và anh Bùi Văn M có một con chung, tên là Bùi Vũ Minh Q (Giới tính: Nam), sinh ngày: 08/10/2014. Khi ly hôn giao cháu Bùi Vũ Minh Q cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Anh M không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị Q.

Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh TH, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007602 ngày 01/4/2022. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Q, vắng mặt anh M. Chị Vũ Thị Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND thị trấn K, huyện TT;
- TAND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**DÂN HỘI THẨM NHÂN**

**PHIÊN TÒA**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA**

**TÒA**

**Trương Thị  
Hong Xuân**

**Hòa**                      **Bùi Văn**                      **Tuấn**                      **Bùi Văn**                      **Tuấn**

